
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TẠI NGHỆ AN

Phạm Thị Thúy Hằng
Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh
Email: hangptt@vinhuni.edu.vn

Mã bài: JED-1738
Ngày nhận bài: 17/04/2024
Ngày nhận bài sửa: 23/04/2024
Ngày duyệt đăng: 13/06/2024
DOI: 10.33301/JED.VI.1738

Tóm tắt

Nghiên cứu này xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, xử lý số liệu thông qua công cụ phân tích dữ liệu với phần mềm SPSS 22. Kết quả chỉ ra rằng có 4 nhân tố tác động trực tiếp cùng chiều với hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: (i) Cơ chế chính sách và quy trình quản lý, (ii) Năng lực đội ngũ cán bộ, (iii) Đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công, và (iv) Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về tài sản công. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số đề xuất được đưa ra nhằm nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An.

Từ khóa: Hiệu quả quản lý, Nghệ An, nhân tố ảnh hưởng, tài sản công.

Mã JEL: O16, P33

Determinants of the management efficiency and usage of public assets in non-profit public entities in Nghe An province

Abstract

This study determines the factors and the degree of influence of these factors on the effectiveness of management and use of public assets in public service units in Nghe An province and, on that basis, provides some recommendations to improve the quality of management and use of public assets in public service units. The study employs quantitative research; data was processed with SPSS 22 software. The results reveal that four determinants directly impact in the same direction on management and use efficiency, including (i) Policy mechanisms and management processes, (ii) Staff capacity, (iii) Subjects managing and using public assets, and (iv) System Database and information about public assets. Based on the findings, some suggestions are proposed for improving the quality of management and use of public assets in public service units in Nghe An.

Keywords: Determinants, management efficiency, Nghe An province, public assets,

JEL Codes: O16, P33

1. Giới thiệu

Tài sản công (TSC) là nguồn lực nội sinh của đất nước, góp phần quan trọng vào quá trình sản xuất cũng như quản lý xã hội, cung cấp nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tất cả tài sản công đều do Nhà nước là chủ sở hữu, và Nhà nước giao quản lý trực tiếp sử dụng tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc bộ máy nhà nước. Tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm trụ sở làm việc, phương tiện đi lại và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định. TSC là cơ sở vật chất cần thiết để tiến hành các hoạt động sự nghiệp công và các hoạt động xã hội khác (Đỗ Hoàng Toàn & Mai Văn Bruu, 2005).

Tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập chiếm một tỷ trọng và giá trị rất lớn là tiền đề, là yếu tố vật chất để Nhà nước có thể tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội đề ra. Bên cạnh đó, quản lý tốt góp phần kích thích quá trình phát triển kinh tế xã hội, giảm thất thoát, lãng phí làm suy giảm nguồn nội lực của đất nước. Do đó cần thiết phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý TSC.

Tỉnh Nghệ An nằm ở Đông Bắc dãy Trường Sơn, có địa hình đa dạng, phức tạp, bị chia cắt mạnh bởi các dãy đồi núi và hệ thống sông, suối. Về tổng thể, địa hình tỉnh Nghệ An nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, với ba vùng sinh thái rõ rệt: miền núi cao, miền núi thấp, đồng bằng ven biển. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2019 - 2023 đạt 6,82%. Mô hình tăng trưởng của tỉnh từng bước chuyển đổi từ chiều rộng sang kết hợp cả chiều rộng và chiều sâu. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2019 - 2023 đạt 48,59%. Vì thế, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An đang là vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay.

Nghiên cứu có cấu trúc như sau: (1) Đặt vấn đề; (2) Cơ sở lý thuyết; (3) Phương pháp nghiên cứu; (4) Kết quả và thảo luận; (5) Kết luận và giải pháp; (6) Tài liệu tham khảo.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác (Quốc hội, 2017).

Tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đất đai, nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai; Các tài sản khác gắn liền đất đai; Các phương tiện giao thông vận tải; Các máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc và các tài sản khác.

Theo Kaganova & Mckellar (2006) thì quản lý nhà nước đối với TSC có thể được xác định là quá trình đưa ra quyết định và thực hiện liên quan đến việc mua, sử dụng và thanh lý tài sản.

Theo Đỗ Hoàng Toàn & Mai Văn Bruu (2005), quản lý tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp công lập là quá trình đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp sử dụng các công cụ, phương pháp, cơ chế, chính sách do Nhà nước ban hành nhằm quản lý nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và bảo đảm tài sản công trong quá trình mua sắm, khai thác sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả các tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công

2.2.1. Cơ chế chính sách và quy trình quản lý tài sản công

Trong hệ thống cơ chế quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập thì các yếu tố pháp luật phản ánh hiệu lực, hiệu quả quản lý thường rõ nét nhất. Trong điều kiện chuyên cơ chế quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang quản lý theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nếu có một hệ thống chính sách, chế độ, quản lý tài sản trong đơn vị sự nghiệp công lập hợp lý, sát với thực tiễn sẽ là tiền đề thuận lợi để quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng tham ô, tham nhũng, lãng phí, thất thoát TSC đang xảy ra phổ biến trong xã hội (Vũ Anh Tuấn, 2020).

Giả thuyết H1: Cơ chế chính sách và quy trình quản lý tác động tích cực đến hiệu quả quản lý, sử dụng

tài sản công.

2.2.2. Năng lực của đội ngũ cán bộ

Cơ chế quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập do đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý TSC hoạch định và thực thi. Do đó hiệu lực, hiệu quả cơ chế quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập phụ thuộc vào năng lực của cán bộ, công chức làm công tác quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện đúng vai trò, chức năng trong xây dựng, vận hành và chấp hành đúng cơ chế quản lý. Cán bộ, công chức làm công tác quản lý TSC có nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của TSC trong cơ quan nhà nước, có trình độ chuyên môn chắc, có phẩm chất đạo đức tốt sẽ giúp cho quá trình quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập thu được hiệu quả (Trần Việt Phương, 2017).

Giả thuyết H2: Năng lực của đội ngũ cán bộ tác động tích cực đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

2.2.3. Đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công

Đối tượng của hệ thống quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập đó là các cơ quan hành chính và cán bộ công, chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản. Đây là một hệ thống cực kỳ phức tạp với trình độ, năng lực, phẩm chất, nhu cầu và cách ứng xử khác nhau và do đó các phản ứng với các quyết định quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập cũng rất khác nhau. Trình độ dân trí, trình độ văn hoá, hiểu biết pháp luật của cán bộ, công chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cũng quyết định tới hành vi ứng xử đối với các quyết định quản lý. Nếu ý thức tuân thủ pháp luật và chính sách của cán bộ công chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản được nâng cao thì sẽ góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả cơ chế quản lý TSC trong đơn vị sự nghiệp công lập (Nguyễn Phương Thảo, 2022).

Giả thuyết H3: Đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công tác động tích cực đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

2.2.4. Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về TSC

Dữ liệu về TSC được thu thập đầy đủ, được cập nhật thường xuyên, liên tục sẽ hỗ trợ rất đắc lực cho công tác quản lý, giúp việc quản lý TSC sát sao, đầy đủ và chính xác. Thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về TSC, TSC sẽ được kiểm soát chặt chẽ. Cơ quan quản lý tài sản sẽ nắm bắt kịp thời tình trạng của tài sản để thực hiện các biện pháp, nghiệp vụ quản lý, cũng như chuẩn bị nguồn tài chính cho duy tu, bảo dưỡng tài sản hoặc đầu tư, xây dựng, mua sắm mới trong trường hợp cần thiết (Vũ Anh Tuấn, 2020).

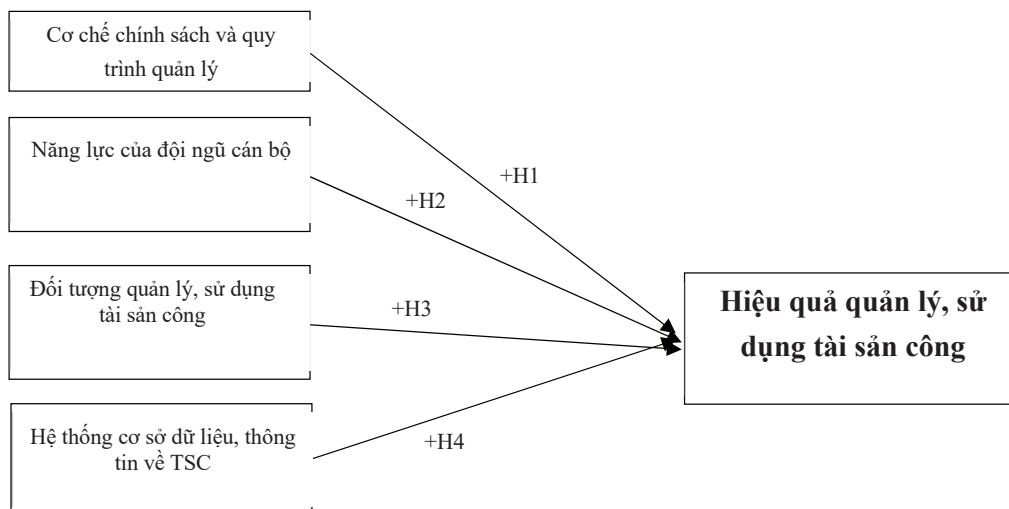
Giả thuyết H4: Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về TSC tác động tích cực đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An tại Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



3.2. Phương pháp nghiên cứu

Công trình này được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, đó là nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng. Đối với nghiên cứu định tính nhằm giải quyết mục tiêu nghiên cứu là các nhân tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tác giả thông qua các nghiên cứu trước và lý thuyết nền tảng cùng với thảo luận chuyên gia để xác định mô hình và thang đo cho nghiên cứu chính thức. Đối với nghiên cứu định lượng nhằm giải quyết mục tiêu nghiên cứu là đo lường mức độ tác động các nhân tố đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An thông qua việc thu thập, phân tích dữ liệu khảo sát, và kiểm định các giả thuyết của mô hình bằng công cụ SPSS 22.

Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Dựa theo nghiên cứu của Hair & cộng sự (1998), phương pháp xác định kích thước mẫu áp dụng dựa theo phân tích nhân tố khám phá (EFA: exploratory factor analysis), kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát hay tổng số câu hỏi khảo sát. Tác giả khảo sát với kích thước mẫu là 800 với hình thức là phỏng vấn trực tiếp dựa trên bảng câu hỏi đã chuẩn bị sẵn là hoàn toàn phù hợp.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Phân tích độ tin cậy của thang đo

Mục đích của phân tích độ tin cậy thang đo và dữ liệu khảo sát nhằm đánh giá sự tương quan giữa các biến quan sát trong từng nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công để xem các biến có quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc đo lường hay không.

Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo, Cronbach's Alpha của thang đo các biến: *Cơ chế chính sách và quy trình quản lý (CS)*; *Năng lực của đội ngũ cán bộ (NL)*; *Đối tượng quản lý, sử dụng (SD)*; *Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin (DL) lần lượt là 0,887; 0,768; 0,804; 0,842. Kết quả này cho thấy thang đo của biến phụ thuộc và tất cả các biến độc lập đều đáp ứng độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) là lớn hơn 0,7 và gần tới 1. Đồng thời các hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item - Total Correlation) đều cao hơn 0,3 và các hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến của các biến (Cronbach's Alpha if Item Deleted) đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha của thang đo. Như vậy, tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy để sử dụng nghiên cứu.*

4.2. Phân tích nhân tố khám phá

Sau khi đã kiểm định sự phù hợp các thang đo của 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An, nghiên cứu tiên hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các biến phù hợp.

Hệ số KMO = 0,869 > 0,5 qua đó cho thấy rằng phân tích nhân tố là thích hợp với dữ liệu nghiên cứu. Mức ý nghĩa Sig. trong kiểm định Bartlett nhỏ hơn 0,05, tương đương bác bỏ giả thuyết: Mô hình nhân tố là không phù hợp, chứng tỏ dữ liệu nghiên cứu thu thập được dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp (Bảng 1).

Bảng 1: Kiểm định tính thích hợp EFA, phương sai trích của biến phụ thuộc

KMO	0,869
Sig. (Bartlett's Test of Sphericity)	0,000
Số lượng nhóm nhân tố	4
Tổng phương sai trích	63,27%

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 2: Tóm tắt mô hình

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn
1	,851a	,25	,22	,29295

ANOVA^a

Mô hình	Tổng bình phương	df	Trung bình	F	Sig.
Regression	138,229	7	19,747	230,106	,000 ^b
1 Residual	52,520	612	,086		
Total	190,749	619			

4.3. Phân tích hồi quy

Qua kết quả nghiên cứu (Bảng 2), giá trị sig của kiểm định F là $0,000 < 0,05$. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được phù hợp với tổng thể. Hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0,722 nghĩa là mô hình giải thích được 72,2% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Giá trị thống kê F được tính ra từ hệ số R^2 của mô hình đạt giá trị 230,106 đạt mức ý nghĩa Sig. = 0,000 rất nhỏ, mô hình sử dụng là phù hợp.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy, hệ số phóng đại VIF của các biến độc lập đều $< 3,0$ nên không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập; vì vậy mô hình nghiên cứu được chấp nhận. Các biến độc lập đều có giá trị Sig. $< 0,05$ nên được giữ lại.

Từ bảng kết quả hồi quy ta các phương trình hồi quy như sau:

$$HQSDTS = 0,81 \times DL + 0,109 \times SD + 0,03 \times NL + 0,269 \times CS + 1,669$$

Cũng theo bảng kết quả hồi quy ta có tất cả các biến có tỷ lệ Sig = $0,000 < 0,05$. Điều này có nghĩa tất cả các biến đều có ý nghĩa thống kê. Thêm vào đó, hệ số VIF đều $< 2,000$. Như vậy, không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 3: Kết quả hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
Hằng số	1,669	,132		12,661	,000		
CS	,269	,013	,528	21,124	,000	,719	1,391
NL	,030	,022	,029	1,363	,000	,983	1,018
SD	,109	,025	,118	4,318	,000	,599	1,670
DL	,081	,019	,101	4,245	,000	,794	1,260

a. Biến phụ thuộc: HQSDTS

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy, Biến DL có hệ số hồi quy là 0,081 có quan hệ cùng chiều với HQSDTS. Điều này có nghĩa là khi yếu tố này tăng 1 điểm thì hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An 0,081 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,081). Biến SD có hệ số hồi quy là 0,109 có quan hệ cùng chiều với HQSDTS. Điều này có nghĩa là khi yếu tố này tăng 1 điểm thì hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An tăng thêm 0,109 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,109).

Biến NL có hệ số hồi quy là 0,3 có quan hệ cùng chiều với HQSDTS. Điều này có nghĩa là khi yếu tố này tăng 1 điểm thì kết quả quản lý tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An tăng thêm 0,3 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,3). Biến CS có hệ số hồi quy là 0,269 có quan hệ cùng chiều với HQSDTS. Điều này có nghĩa là khi yếu tố này tăng 1 điểm thì hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An tăng thêm 0,269 điểm (tương ứng hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,269).

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý, sử dụng tài sản công. Nghiên cứu đã chỉ ra được tác động các nhân tố đến hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công từ đó đề xuất ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An. Theo kết quả phân tích hồi quy, để nâng cao hiệu quả hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh Nghệ An cần thực hiện đồng bộ những đề xuất sau:

5.1. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý tài sản công

Do khối lượng tài sản nhà nước lớn nhưng số lượng về nhân lực quản lý còn mỏng, công tác tập huấn nâng cao đội ngũ cán bộ quản lý cả về số lượng và chất lượng ưu tiên hàng đầu. Công tác đào tạo cần đảm bảo các yếu tố về chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý thì việc đào tạo đội ngũ chuyên gia cho công tác quản lý tài sản công mới thực sự đem lại hiệu quả.

Đồng thời tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng và bố trí cán bộ. Xây dựng quy chế hoạt động trong đó xác định rõ các chức danh cùng với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và các tiêu chuẩn để đảm đương chức năng, nhiệm vụ đó, nhất là xác định nhiệm vụ cụ thể của từng chức năng từ đó có chương trình

đào tạo cho sát và thiết thực, tránh lãng phí tràn lan không hiệu quả. Cần phải tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ công chức, chống lại biểu hiện vô cảm, chống quan liêu, tham nhũng, ngăn ngừa sự thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ, công chức viên chức.

5.2. Xây dựng cơ chế chính sách và quy trình quản lý tài sản công

Rà soát, quy hoạch đặc biệt là việc rà soát, sắp xếp lại nhà, đất, điều chuyển, luân chuyển các tài sản công trong tỉnh giúp việc quản lý, sử dụng tài sản công vừa tiết kiệm vừa hiệu quả. Điều này yêu cầu các cấp lãnh đạo cần cải thiện cơ chế để việc sử dụng tài sản công cũng như quản lý tài sản công mang lại những hiệu quả, lợi ích thiết thực tại các đơn vị.

Các cấp lãnh đạo của các đơn vị sự nghiệp công lập cần thực hiện quản lý căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do Nhà nước và tỉnh quy định; căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng biên chế được duyệt; căn cứ vào nhu cầu hoạt động và thực trạng tài sản công hiện có tiến hành kiểm tra, sắp xếp lại tài sản công. Đặc biệt là đất và trụ sở, khuyến khích việc di chuyển trụ sở ra khỏi vùng trung tâm thương mại, dịch vụ và trung tâm dân cư. Nhà đất dư cho phép bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đối tượng có nhu cầu. Tiền thu được từ đất dôi dư sẽ được đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các tài sản công khác. Khuyến khích các cơ quan hành chính sử dụng quỹ đất một cách tiết kiệm và có hiệu quả. Việc sắp xếp quỹ đất từng bước đưa công tác sử dụng đất đi vào nề nếp theo đúng quy hoạch và mục đích sử dụng, thúc đẩy quá trình phân bố dân cư, phân bố lao động, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế vùng trọng điểm.

5.3. Nâng cao năng lực đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công

- Nâng cao nhận thức của các cơ quan, các đoàn thể, các cán bộ công chức và mọi người dân trong xã hội về sự cần thiết phải hoàn thiện cơ chế quản lý TSC trong các đơn vị sự nghiệp công lập, mục tiêu yêu cầu, các nội dung cơ bản của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ của mọi người.

- Nâng cao ý thức tự giác trong việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý TSC, phát hiện và lên án những hành vi, hoạt động vi phạm pháp luật về quản lý TSC. Đưa việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng TSC trở thành nhu cầu tất yếu của mỗi tổ chức, mỗi cán bộ công nhân viên chức, trong từng đơn vị.

- Tuyên truyền giúp cho các cơ quan và mọi người thay đổi nhận thức, tư duy về quản lý, sử dụng TSC.

- Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu những nội dung cơ bản của luật và các cơ chế về quản lý TSC trong các đơn vị sự nghiệp công lập như: chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng, trong đó cần làm rõ những điểm mới của pháp luật và cơ chế quản lý TSC hiện hành

- Thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác nội dung những văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của BTC và của tỉnh đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến TSC.

- Thành lập tổ chuyên gia hướng dẫn, giải đáp kịp thời các vướng mắc của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện. Phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện cơ chế quản lý TSC tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh.

- Kịp thời phát hiện và tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong việc tổ chức triển khai thi hành, có hình thức khen thưởng kịp thời với những cá nhân, các cơ quan chấp hành tốt cơ chế quản lý TSC, phê phán những quan điểm, tư tưởng sai lệch, kỉ luật những hành vi vi phạm như: mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức; sử dụng TSC không đúng mục đích, tiêu cực trong đầu tư mua sắm TSC.

- Tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện các cơ chế quản lý TSC cho các cán bộ làm công tác quản lý TSC tại các đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài phát thanh, đài truyền hình trung ương và địa phương.

- Xây dựng hệ thống cơ sở, dữ liệu thông tin để quản lý tài sản công: *Đổi mới hệ thống thông tin về tài sản công trong các đơn vị* thông qua sử dụng các phần mềm chuyên dụng nhằm quản lý kế toán tài sản của đơn vị, các dữ liệu chi từ ngân sách nhà nước... Thường xuyên cập nhật dữ liệu tài sản công, giúp cán bộ chức năng quản lý có thể cập nhật được tình hình, mức độ sử dụng cũng như tình trạng của tài sản công tại các đơn vị. Trên cơ sở đó hình thành kho dữ liệu điều này đáp ứng về nhu cầu tra cứu cũng như thuận lợi cho những công tác chỉ đạo và định hướng trong quản lý tài sản công.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để kiểm soát chất lượng dữ liệu khai báo. Trong quá trình quản lý, nhiều dữ liệu được các đơn vị khai báo lên kho dữ liệu.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra quản lý tài sản công. Thanh tra kiểm tra tốt ngay từ khâu mua sắm bàn giao tài sản: việc kiểm tra này dựa trên tính hợp pháp của những tài sản được bàn giao, cũng như chất lượng và số lượng tài sản bàn giao.

Cùng với những kết quả đóng góp tích cực, nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định. Nghiên cứu này chỉ thực hiện tại đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An nên chỉ có ý nghĩa thực tiễn với các đơn vị này. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu được thực hiện ở nơi khác với khảo sát giống nhau thì nghiên cứu có thể có giá trị tham khảo và thang đo có thể áp dụng được. Về phiếu khảo sát, mặc dù phiếu khảo sát được phát trực tiếp đến các cán bộ đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghệ An nhưng không tránh khỏi hiện tượng đối tượng trả lời sai hoặc trả lời chưa khách quan so đánh giá của người trả lời.

Phụ lục 1: Mã hóa thang đo

MÃ HÓA	Các thang đo
CS	Cơ chế chính sách và quy trình quản lý tài sản công
CS1	Các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công dành cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An được hình thành đầy đủ
CS2	Danh mục tài sản mua sắm tập trung được ban hành đã bao quát hết các loại tài sản sử dụng trong đơn vị sự nghiệp công lập
CS3	Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản các đơn vị sự nghiệp công lập hợp lý
CS4	Quy trình mua sắm theo các hình thức mua sắm tài sản (Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu, tự thực hiện, mua sắm trực tiếp) luôn được tuân thủ theo đúng quy định
CS5	Định mức tiêu chuẩn trang thiết bị trong các đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay là phù hợp
SD	Đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
SD1	Đơn vị đáp ứng của số lượng tài sản công so với nhu cầu sử dụng so với thực tế tại đơn vị
SD2	Đơn vị sự nghiệp đã chấp hành nghiêm chỉnh chế độ đăng ký và báo cáo tài sản
SD3	Các nội dung của báo cáo tình hình quản lý, sử dụng TSC của các đơn vị sự nghiệp đã đầy đủ nội dung, phản ánh sát thực tình hình thực tế
SD4	Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An chủ động trong việc lập báo cáo tình hình tài sản
SD5	Nội dung báo cáo đã bao quát hết các vấn đề của quản lý, sử dụng TSC các đơn vị sự nghiệp công lập
SD6	Phần thông tin đề xuất, kiến nghị trong báo cáo có giá trị ứng dụng cao
NL	Năng lực của đội ngũ cán bộ
NL1	Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện tốt việc công khai quản lý, sử dụng TSC
NL2	Trình độ dân trí, văn hóa của cán bộ quản lý, sử dụng TSC là hoàn toàn phù hợp yêu cầu quản lý sử dụng tài sản
NL3	Khả năng hiểu biết pháp luật của cán bộ quản lý, sử dụng TSC là hoàn toàn phù hợp yêu cầu quản lý sử dụng tài sản
NL4	Trong quá trình sử dụng tài sản công, cán bộ quản lý, sử dụng TSC có ý thức trách nhiệm với việc quản lý, sử dụng tài sản
NL5	Đơn vị thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức quản lý, sử dụng TSC cho cán bộ tại đơn vị
NL6	Công tác sắp xếp lại tài sản tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An
DL	Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về TSC
DL1	Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An chủ động cập nhật dữ liệu về TSC của đơn vị mình
DL2	Dữ liệu TSC tại đơn vị sự nghiệp công lập được lưu trữ đầy đủ
DL3	Hệ thống thông tin quản lý TSC tại các đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng hoàn thiện
HQSDTS	Hiệu quả sử dụng tài sản
HQSDTS1	Cơ chế và chính sách quản lý tài sản công
HQSDTS2	Khả năng quản lý tài sản công
HQSDTS3	Hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản công
HQSDTS4	Công bố thông tin tài sản công được

Phụ lục 2:Ma trận xoay nhân tố

	Nhân tố			
	1	2	3	4
CS4	,804			
CS2	,798			
CS5	,795			
CS1	,789			
CS3	,782			
SD1		,747		
SD2		,724		
SD4		,713		
SD5		,709		
SD3		,697		
SD6		,668		
NL4			,703	
NL1			,698	
NL6			,626	
NL3			,620	
NL2			,590	
NL5			,574	
DL1				,915
DL2				,878
DL3				,805

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Hoàng Toàn & Mai Văn Bruu (2005), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nhà Xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
- Hair, J.F., Tatham, R.L., Anderson, R.E. & Black, W. (1998), *Multivariate Data Analysis, 5th Edition*, Prentice-Hall, Inc, New Jersey.
- Kaganova, Olga, & Mckellar, James, (2006), *Managing Government Property Assets*, The Urban Institute Press, Washington DC.
- Nguyễn Phương Thảo (2022), ‘Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài sản công trong các đơn vị thuộc ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên’, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 2, 147-149.
- Quốc hội (2017), *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, số 15/2017/QH14*, ban hành ngày ban hành 21 tháng 06 năm 2017.
- Trần Việt Phương (2017), ‘Quản lý tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam’, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.
- Vũ Anh Tuấn (2020), ‘Quản lý tài sản công tại các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Lào Cai’, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên.